

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/DS-PT

Ngày: 05-3-2018

V/v: “Hợp đồng góp hụi và vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Thẩm phán: Bà Quách Tổ Giang
Bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 240/2017/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2017; về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hụi và vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 212/2017/DS-ST ngày 04 tháng 12 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện CP bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2018/QĐPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Mai L, sinh năm 1974. Trú tại: ấp BT, xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Xuân Ng, sinh năm 1984. Trú tại: ấp BT, xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang. (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Tiến V – Luật sư của Văn phòng luật sư TV thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang, (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Hữu Ngh, sinh năm 1978. Trú tại: ấp BT, xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang, (xin vắng mặt).

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Xuân Ng, ông Nguyễn Hữu Ngh là bị đơn và người có nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị Mai L trình bày như sau: Năm 2016, 2017 bà có làm chủ tất cả 06 dây hụi, cụ thể:

- Dây hụi thứ nhất khai ngày 30/01/2016 (âl), hụi 5.000.000đ, 01 tháng khai một lần, có 18 phần, bà Ng tham gia 02 phần, lần khai hụi thứ nhất bà Ng bỏ 1.220.000đ, bà Ng hốt số tiền 60.480.000đ, trừ huê hồng 2.000.000đ, bà L giao cho bà Ng 58.480.000đ. Lần thứ hai khai bà Ng bỏ 1.220.000đ, bà Ng hốt số tiền 60.480.000đ, trừ huê hồng 2.000.000đ, bà L giao bà Ng 58.480.000đ. Bà Ng châu hụi cho bà L tổng cộng được 12 lần. Còn 06 lần bà Ng không châu đến nay. (Hiện dây hụi này đã mãn hụi).

- Dây hụi thứ hai khai ngày 20/7/2016(âl), hụi 3.000.000đ, 01 tháng khai một lần, có 18 phần, bà Ng tham gia 02 phần, khai hụi lần thứ nhất bà Ng bỏ hụi 600.000đ, bà Ng hốt được 38.400.000đ, trừ huê hồng 1.200.000đ, bà L giao cho bà Ng 37.200.000đ. Khai lần thứ ba bà Ng bỏ 600.000đ, Ng hốt được 39.000.000đ, trừ huê hồng 1.200.000đ, bà L giao cho bà Ng 37.800.000đ, bà Ng châu được đến lần thứ 07 thì ngưng. Còn 11 lần bà Ng không châu đến nay. (Hiện hụi này còn 06 lần nữa mới mãn hụi).

- Dây hụi thứ ba khai ngày 10/12/2016 (âl), hụi 1.000.000đ, nửa tháng khai một lần, có 20 phần, bà Ng tham gia 03 phần, khai lần thứ nhất Ng bỏ 300.000đ, Ng hốt, bà Ng thương lượng với bà L, do cần tiền cho chị của bà Ng mượn cất nhà nên bảo bà L cho Ng hốt luôn 03 phần của Ng, bà L đồng ý và xuất tiền nhà ra giao cho Ng 02 phần nữa. Tổng số tiền bà L giao cho bà Ng 03 phần hụi là 38.700.000đ (Đã trừ huê hồng 1.200.000đ). Bà Ng châu đến lần thứ 4 thì ngưng không châu đến nay. (Hiện hụi này còn 05 lần nữa mới mãn).

- Dây hụi thứ tư khai ngày 25/12/2016(âl), hụi 500.000đ, 01 tuần khai một lần, có 20 phần, bà Ng tham gia 03 phần, ngày 02/01/2017 bà Ng bỏ 70.000đ hốt được 7.180.000đ (đã trừ huê hồng 200.000đ). Ngày 09/01/2017 bà Ng bỏ 70.000đ hốt được 7.180.000đ (đã trừ huê hồng 200.000đ). Ngày 16/01/2017 bà Ng bỏ 70.000đ hốt được 7.180.000đ (đã trừ huê hồng 200.000đ). Bà Ng châu đến lần thứ 05 thì ngưng đến nay. (Hiện dây hụi này đã mãn hụi).

- Dây hụi thứ 5 khai ngày 25/12/2016 (âl), hụi 200.000đ, 05 ngày khai 01 lần, có 25 phần, bà Ng tham gia 03 phần, khai lần đầu bà Ng bỏ 30.000đ hốt được 3.640.000đ (đã trừ huê hồng 100.000đ). Ngày 10/01/2017, bà Ng bỏ 20.000đ hốt được 3.900.00đ (đã trừ huê hồng 100.000đ). Ngày 15/02/2017, bà Ng bỏ 20.000đ hốt được 3.900.00đ (đã trừ huê hồng 100.000đ). Bà Ng châu được đến lần thứ 07 thì ngưng đến nay. (Hiện dây hụi này đã mãn hụi).

- Dây hụi thứ 6 khai ngày 15/01/2017 (âl), hụi 1.000.000đ, nửa tháng khai 01 lần, có 20 phần, bà Ng tham gia 03 phần, trước lần khai thứ nhất 03, 04 ngày bà Ng thương lượng với bà L là bà Ng bỏ 300.000đ hốt 02 dây, bà L đồng ý xuất tiền của bà L ra giao đủ cho bà Ng 20 phần với số tiền 28.000.000đ (trừ huê hồng 800.000đ, bà L giao cho bà Ng 27.200.000đ) khai lần thứ nhất bà Ng bỏ 180.000đ, bà Ng hốt, bà L giao cho bà Ng số tiền 15.180.000 (đã trừ huê hồng 400.000đ). bà

Ng châu được 2.000.000đ, còn 19 lần ngưng đến nay. (Hiện nay hụi này còn 08 lần nữa mới mãn hụi).

* Đồng thời bà L còn tham gia 02 dây hụi do bà Ng làm chủ hụi, cụ thể:

- Dây hụi thứ 1 khai ngày 10/8/2016 (âl), hụi 2.000.000đ, 01 tháng khai một lần, có 21 phần, bà L tham gia 03 phần, bà L đã châu hụi sống cho bà Ng được 06 lần với số tiền châu là 26.130.000đ.

- Dây hụi thứ 2 khai ngày 15/11/2016 (âl), hụi 2.000.000đ, 01 tháng khai một lần, có 21 phần, bà L tham gia 03 phần, bà L đã châu hụi sống cho bà Ng được 03 lần với số tiền châu là 13.470.000đ.

* Ngoài ra, vào ngày 15/01/2017 (âl), bà L có cho bà Ng vay số tiền 40.000.000đ, không có làm biên nhận, thời hạn 01 tháng trả lại, đến ngày 29/01/2017 (âl) thì bà Ng bỏ trốn đến nay không trả vốn, lãi.

Do vậy, bà L yêu cầu bà Ng cùng với ông Ngh (chồng bà Ng) trả cho bà L tổng số tiền còn nợ 343.900.000đ, trong đó tiền nợ của các dây hụi là 303.900.000đ, tiền vay 40.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai đề ngày 06/6/2017 bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân Ng trình bày:

Hụi 5.000.000đ, 02 phần hốt được 116.960.000đ, châu được 12 lần x 10.000.000đ = 120.000.000đ, còn phải nợ lại 60.000.000đ, tức là phần này chưa tính tiền huê hồng 63.040.000đ. Thời gian 18 tháng (khởi hụi ngày 30/01/2016 âl).

Hụi 3.000.000đ, 02 phần hốt được 75.000.000đ, châu được 07 lần x 6.000.000đ = 42.000.000đ, còn phải nợ lại 66.000.000đ, tức là phần này chưa tính tiền huê hồng 33.000.000đ. Thời gian 18 tháng (khởi hụi ngày 20/7/2016 âl).

Hụi 1.000.000đ, 03 phần hốt được 38.700.000đ, châu được 04 lần x 3.000.000đ = 12.000.000đ, còn phải nợ 48.000.000đ, tức là phần này chưa tính tiền huê hồng 21.300.000đ. Thời gian 10 tháng (khởi khai ngày 10/12/2016 âl).

Hụi 1.000.000đ, 03 phần hốt được 42.380.000đ, châu được 01 lần x 2.000.000đ, phần này còn nợ 57.000.000đ, tức là phần này chưa tính tiền huê hồng 16.620.000đ. Thời gian 10 tháng (khởi hụi ngày 15/01/2017 âl).

Hụi 500.000đ, 03 phần hốt được 21.540.000đ, châu 05 lần x 1.500.000đ = 7.500.000đ, còn phải nợ 22.500.000đ, phần này chưa tính tiền huê hồng 8.460.000đ. Thời gian 05 tháng (khởi hụi ngày 25/12/2016 âl).

Hụi 200.000đ, 03 phần hốt được 11.400.000đ, châu 07 lần x 600.000đ = 4.200.000đ, còn nợ 10.800.000đ, phần này chưa tính tiền huê hồng 3.560.000đ, thời gian 04 tháng (khởi hụi ngày 25/12/2016 âl).

Bà Ng cho rằng còn nợ bà L số tiền 118.320đ, trong đó 306.020.000 (tiền hốt được) – 187.700.000đ (tiền đã châu) = 118.320.000đ, chưa tính tiền huê hồng bà L đã nhận 145.980.000đ. Do đó, bà Ng có đơn yêu cầu phản tố ngày 06/6/2017 yêu cầu bà L trả lại cho bà Ng số tiền 27.600.000đ. Tuy nhiên sau đó, ngày 14/7/2017 bà Ng tự khai bổ sung nội dung xác nhận còn nợ bà L số tiền

157.580.000đ (gồm phần tiền hụi bà L làm chủ còn 118.280.000đ, phần tiền hụi bà Ng làm chủ còn 39.300.000đ).

Về số tiền vay 40.000.000đ, lãi suất 05%/tháng, bà Ng đã đóng lãi cho bà L được 24 tháng với số tiền là 48.000.000đ, số tiền lãi đã đóng vượt quy định của pháp luật, bà Ng yêu cầu xem xét khấu trừ theo quy định của pháp luật. Bà Ng cho rằng toàn bộ số tiền hụi, tiền vay bà dùng vào việc châu hụi và tiêu xài cá nhân, không liên quan đến ông Ngh (chồng bà Ng).

Tờ tự khai ngày 06/6/2017 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Ngh trình bày: Ông không có liên quan gì đối với số tiền chơi hụi và vay của bà L và vợ ông (bà Ng), ông có việc làm và thu nhập ổn định lo cho gia đình nên ông Ngh không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đồng thời ông Ngh xin vắng mặt trong quá trình tố tụng tại tòa.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 212/2017/DS-ST ngày 04/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện CP đã quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mai L buộc bà Ng có trách nhiệm liên đới với ông Ngh trả số tiền 340.900.000đ (Ba trăm bốn mươi triệu chín trăm nghìn đồng). Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà L đối với số tiền 3.000.000đ.

- Buộc bà Nguyễn Thị Xuân Ng và ông Nguyễn Hữu Ngh có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Mai L số tiền 340.900.000đ (Ba trăm bốn mươi triệu chín trăm nghìn đồng), trong đó tiền hụi 300.900.000đ, tiền vay vốn 40.000.000đ.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bà Ng yêu cầu bà L trả số tiền 27.600.000đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự, quyền kháng cáo và nghĩa vụ chậm thực hiện thanh toán đối với số tiền chậm thi hành án và thời hiệu yêu cầu thi hành án bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/12/2017 bà Nguyễn Thị Xuân Ng kháng cáo đồng ý nợ bà L số tiền 340.900.000đ; Trong đó tiền hụi 300.900.000đ và tiền vay 40.000.000đ, nhưng yêu cầu khấu trừ 45.000.000đ ($20.000.000đ \times 5\% \times 24 \text{ tháng} = 24.000.000đ$) và 21.000.000đ ($30.000.000đ \times 5\% \times 14 \text{ tháng} = 21.000.000đ$) đối với số tiền vay 40.000.000đ; xin miễn giảm tiền án phí; không liên quan đến ông Ngh.

Ngày 14/12/2017 ông Nguyễn Hữu Ngh kháng cáo không chấp nhận buộc ông cùng bà Ng trả tiền cho bà L; yêu cầu khấu trừ 45.000.000đ tiền lãi đã đóng; xin miễn giảm án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Ng, ông Ngh trong hạn luật định, có đóng tạm ứng án phí kháng cáo nên được chấp nhận về hình thức kháng

cáo. Bà Nguyễn Thị Xuân Ng, ông Nguyễn Hữu Ngh đã được Tòa án tổng đạt hợp lần 2 và có đơn xin xét xử vắng, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Ngh theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu: Chị Ng đồng ý còn nợ bà L số tiền 340.900.000đ; Trong đó tiền hụi 300.900.000đ và tiền vay 40.000.000đ, nhưng với điều kiện yêu cầu khấu trừ 45.000.000đ ($20.000.000đ \times 5\% \times 24 \text{ tháng} = 24.000.000đ$) và 21.000.000đ ($30.000.000đ \times 5\% \times 14 \text{ tháng} = 21.000.000đ$) đối với số tiền vay 40.000.000đ; xin miễn giảm tiền án phí và cho rằng không liên quan đến ông Ngh, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Đối với kháng cáo của anh Ngh, phía anh Ngh không có ký bất cứ giấy tờ nào liên quan đến việc chơi hụi với chị L và anh Ngh cũng có nghề nghiệp ổn định không phụ thuộc vào tiền trong gia đình, anh Ngh cho rằng cấp sơ thẩm đưa anh vào liên quan là không đúng, nên từ đó đến không tham gia phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Ngh về trách nhiệm liên đới, về xin miễn giảm án phí.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ng và ông Nguyễn Hữu Ngh.
- Không chấp nhận xin miễn giảm án phí của bà Ng, ông Ngh.
- Không chấp nhận kháng cáo trách nhiệm liên đới của ông Ngh.

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Xuân Ng về số tiền chơi hụi giữa bà L và bà Ng thì thấy, hai bên thống nhất như sau:

* Hụi do bà L làm chủ:

Dây hụi thứ nhất, khai ngày 30/01/2016 (âl), hụi 5.000.000đ, bà Ng tham gia 02 phần, hốt 02 phần với số tiền 116.960.000đ, bà Ng châu cho bà L được 12 lần, bà Ngân thừa nhận còn nợ lại 06 lần với số tiền 60.000.000đ.

Dây hụi thứ hai, khai ngày 20/7/2016 (âl) , hụi 3.000.000đ, bà Ng tham gia 02 phần, hốt 02 phần với số tiền 75.000.000đ, bà Ng châu được 07 lần, bà Ngân thừa nhận còn nợ lại 11 lần với số tiền 66.000.000đ.

Dây hụi thứ ba, khai ngày 10/12/2016 (âl), hụi 1.000.000đ, bà Ng tham gia 03 phần, hốt 03 phần với số tiền 38.700.000đ, bà Ng châu được 04 lần, bà Ng thừa nhận còn nợ lại 16 lần với số tiền 48.000.000đ.

Dây hụi thứ tư, khai ngày 25/12/2016(âl), hụi 500.000đ, bà Ng tham gia 03 phần, hốt 03 phần với số tiền 21.540.000đ, bà Ng châu được 05 lần và thừa nhận còn nợ lại 15 lần với số tiền 22.500.000đ.

Dây hụi thứ năm, khai ngày 25/12/2016 (âl), hụi 200.000đ, bà Ng tham gia 03 phần, hốt 03 phần với số tiền 11.440.000đ, bà Ng châu được 07 lần và thừa nhận còn nợ lại 18 lần với số tiền 10.800.000đ.

Dây hụi thứ sáu, khai ngày 15/01/2017 (âl), hụi 1.000.000đ, bà Ng tham gia 03 phần, hốt 03 phần với số tiền 42.380.000đ, bà Ng châu được 01 lần và thừa nhận còn nợ lại 19 lần với số tiền 57.000.000đ.

* Hụi do bà Ng làm chủ:

Dây hụi thứ nhất, khai ngày 10/8/2016 (âl), hụi 2.000.000đ, bà L tham gia 03 phần, góp hụi cho bà Ng được 06 lần với số tiền là 26.130.000đ.

Dây thứ hai, khai ngày 15/11/2016 (âl), hụi 2.000.000đ, bà L tham gia 03 phần, góp hụi cho bà Ng được 03 lần với số tiền là 13.470.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù bà Ng vắng mặt, nhưng căn cứ vào nội dung đơn kháng cáo, chính bà Ng cũng thừa nhận còn thiếu tiền hụi là 300.900.000đ và lời thừa nhận này cũng được phía nguyên đơn là bà L thống nhất, chứng cứ này được các bên thừa nhận, căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

Về số tiền vay: Bà Ng nại rằng khoản tiền vay 40.000.000đ bà đã vay không có làm biên nhận, nhưng bà L có ghi sổ (không nhớ ngày tháng năm) bà có đóng lãi cho bà L được 45.000.000đ nên bà yêu cầu xem xét lại lãi suất theo quy định của pháp luật để khấu trừ. Còn bà L cho rằng việc vay 40.000.000đ vào ngày 15/01/2017 (âl) giữa hai bên không có làm biên nhận mà bà chỉ ghi vào sổ vì trước đây bà cũng cho bà Ng vay nhiều lần rồi trả nên tin tưởng nhau không làm biên nhận, sau đó đến ngày 29/01/2017 (âl) Ng bỏ trốn không đóng lãi đến nay, thời gian chỉ không quá 01 tháng, trong khi bà Ng khai đóng lãi đến 24 tháng là không đúng. Bà Ng không có chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình là có đóng lãi, Hội đồng xét xử thấy rằng việc khai nại của bà Ngân là không có cơ sở xem xét để khấu trừ số tiền còn thiếu của bà L.

Về trách nhiệm liên đới của ông Nguyễn Hữu Ngh: Bà Ng cho rằng việc chơi hụi và vay mượn chỉ mình bà biết và bà dùng số tiền hốt hụi để châu lại hụi và hùn vốn làm ăn với bạn, còn ông Ngh chồng bà không hay biết, đến khi bà bỏ trốn thì chồng bà mới biết. Tuy nhiên, bà Ng chơi hụi trong thời gian kéo dài gần 02 năm, bà Ng làm chủ nhiều dây hụi cũng hưởng huê hồng từ những dây hụi do bà làm chủ, việc chơi hụi được diễn ra tại nhà bà Ng; đồng thời tại biên bản đối chất ngày 01/8/2017 bà Ng còn khai rằng “Sau đó tôi trở về các chủ nợ đến nhà tôi thương lượng, trong đó có chị L, đến nhà tôi có mặt vợ chồng tôi, thương lượng mỗi tháng trả chị Ly 3.000.000đ, chị L không đồng ý mà đòi lấy xe tải trừ nợ, tôi năn nỉ chồng tôi, chồng tôi cũng đồng ý để bà L lấy xe, nhưng sau đó do xe còn trả

góp nên chị L không chịu lấy”, trong thời gian này hôn nhân giữa bà Ng và ông Ngh vẫn đang tồn tại và mục làm chủ hụi để hưởng hoa hồng nhằm dùng số tiền vào sinh hoạt thiết yếu trong gia đình, bà Ng cũng thừa nhận nhà có đầu tư xe tải chạy kinh doanh, nên cấp sơ thẩm buộc trách nhiệm liên đới là có căn cứ theo khoản Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Do đó kháng cáo của bà Ng, ông Ngh về trách nhiệm liên đới là không có cơ sở để xem xét, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Đối với yêu cầu kháng cáo xin miễn, giảm tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà Ng, ông Ngh không có đơn xin miễn, giảm nộp cho Tòa án và bà Ng cũng không thuộc trường hợp được miễn giảm tiền án phí, nhưng sau khi Hội đồng xét xử tuyên bố vào nghị án thì người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn cung cấp đơn xin miễn, giảm có xác nhận của địa phương, không được xem là trường hợp cung cấp chứng cứ do sự kiện bất khả kháng, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí phúc thẩm, do kháng cáo của bà Ng, ông Ngh không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Nguyễn Thị Xuân Ng và ông Nguyễn Hữu Ngh.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 212/2017/DS-ST ngày 04/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện CP.

- Buộc bà Nguyễn Thị Xuân Ng và ông Nguyễn Hữu Ngh có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Mai L số tiền 340.900.000đ (Ba trăm bốn mươi triệu chín trăm nghìn đồng), trong đó tiền hụi là 300.900.000đ, tiền vay vốn là 40.000.000đ.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bà Ng yêu cầu bà L trả số tiền 27.600.000đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Ng và ông Ngh phải chịu 17.045.000đ (Mười bảy triệu không trăm bốn mươi lăm ngàn đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 691.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017055 ngày 04/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CP. Bà Lê Thị Mai L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 8.957.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0013501 ngày 24/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Xuân Ng, ông Nguyễn Hữu Ngh mỗi người phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0017607 (của bà Ng) và 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017608 (của ông Ngh) cùng ngày 18/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Bản án gốc được thông qua tại phòng Nghị án).

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND - AG;
- TAND - CP;
- THA - CP;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa Dân Sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn